

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
H. GÒ CÔNG ĐÔNG**

**TỈNH TIỀN GIANG**

**Số: 430/2017/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Gò Công Đông, ngày 28 tháng 12 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 373/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng G**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã P huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp Q, xã L, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Phạm Thị Mỹ A**, sinh ngày 1977.

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2017.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng G và anh Nguyễn Văn Đ.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị Hồng G và anh Nguyễn Văn Đ thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Giao cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Hoàng T, sinh ngày 17/5/2017, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, chị G và các thành viên gia đình chị G không được ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về nợ chung:** Chị Trần Thị Hồng G có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) vào ngày 25/02/2018.

Anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) vào ngày 25/02/2018.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- **Về án phí:** Chị G tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 45299 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, chị G đã nộp đủ án phí.

Anh Đ phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 45340 ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

*Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKS huyện GCD,
- CC. THADS huyện GCD,
- UBND xã P,
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Tuấn Anh**